

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia
giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14/6/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình chuyển đổi số thành phố Hải Phòng; Chương trình phát triển đô thị thông minh; các chương trình, đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics, kinh tế biển và tăng trưởng xanh của thành phố;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 – 2035;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố, phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là kinh tế biển của thành phố Hải Phòng.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ về vai trò của tiêu chuẩn trong phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong các lĩnh vực trọng điểm

của Hải Phòng như: cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử - bán dẫn, kinh tế biển, đô thị thông minh và chính quyền số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của Hải Phòng trên thị trường quốc tế.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trên địa bàn toàn thành phố.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035; phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức chính trị - xã hội, Hiệp hội Doanh nghiệp và doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Gắn hoạt động tiêu chuẩn hóa với các chương trình, đề án, kế hoạch của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, cảng biển, đô thị thông minh, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận, áp dụng tiêu chuẩn phục vụ sản xuất, kinh doanh và hội nhập.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hoạt động tiêu chuẩn hóa trên địa bàn thành phố theo hướng hiện đại, hài hòa với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế biển, cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, văn minh, bền vững và có sức cạnh tranh cao trong khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn đến năm 2030

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức: Tổ chức tối thiểu 01 hoạt động/năm (hội nghị/hội thảo/tập huấn) phổ biến tiêu chuẩn và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và các nội dung liên quan cho cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh và các chủ thể OCOP.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn: Hỗ trợ tối thiểu 40-50 doanh nghiệp (ưu tiên DNNVV) được tư vấn/đào tạo/triển khai áp dụng TCVN

hoặc tiêu chuẩn liên quan trong sản xuất, kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả thực thi tiêu chuẩn thông qua đánh giá sự phù hợp: Phấn đấu tối thiểu 1.000 giấy chứng nhận/phiếu kết quả/năm phát sinh trên địa bàn thành phố (bao gồm: kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm/giám định...).

- Gia tăng sản phẩm đạt chứng nhận: Thúc đẩy tăng tối thiểu 10% số lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực/OCOP/nông sản xuất khẩu của thành phố đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn hóa cho tối thiểu 250 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Hoàn thành kết nối, cập nhật dữ liệu tiêu chuẩn của thành phố với cơ sở dữ liệu/nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Bảo đảm 100% yêu cầu thông báo/hỏi đáp TBT thuộc phạm vi địa phương/phối hợp được thực hiện đúng hạn theo quy định.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Mở rộng áp dụng tiêu chuẩn trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố: Tối thiểu 50% sản phẩm/dịch vụ trọng điểm (ưu tiên: sản phẩm nông nghiệp, logistics, cảng biển, công nghiệp chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp thông tin - công nghệ cao, thương mại điện tử, công nghiệp số và chuyển đổi số, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh) áp dụng tiêu chuẩn phù hợp/hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế theo nhu cầu thị trường.

- Đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn hóa đạt tối thiểu 100 lượt/năm giai đoạn 2031-2035; đồng thời duy trì nhóm chuyên gia nòng cốt cấp thành phố; duy trì liên thông dữ liệu tiêu chuẩn; mở rộng thí điểm tiêu chuẩn số lên tối thiểu 02 lĩnh vực đến năm 2035.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn về tiêu chuẩn hóa và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); biên soạn tài liệu hướng dẫn/tóm tắt kỹ thuật/TCVN để tiếp cận phù hợp năng lực DNNVV.

- Duy trì, nâng cao chất lượng bản tin/cập nhật TBT; đa dạng hóa hình thức truyền thông, truyền tải thông tin kỹ thuật thị trường cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh truyền thông số về tiêu chuẩn hóa trên các nền tảng mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở và các mô hình truyền thông số cộng đồng. Khuyến khích xây dựng các sản phẩm truyền thông ngắn gọn, dễ hiểu như: infographic, video ngắn, chuyên mục phát thanh - truyền hình, hỏi đáp số để nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp.

2. Rà soát, tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ phát triển TCVN

- Nghiên cứu, tham gia ý kiến trong quá trình Bộ, ngành xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật. Kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thi hành để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét.

- Rà soát nhu cầu tiêu chuẩn theo ngành, lĩnh vực trọng điểm; xác định danh mục ưu tiên áp dụng tiêu chuẩn và danh mục đề xuất xây dựng/sửa đổi TCVN cho sản phẩm đặc thù địa phương.

- Thúc đẩy áp dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật trong quản lý nhà nước: xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra chất lượng, cấp phép, đấu thầu, mua sắm công và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý và phân tích thông tin tiêu chuẩn, phục vụ xây dựng tiêu chuẩn mới và hỗ trợ doanh nghiệp tra cứu, tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn hiệu quả.

3. Đẩy mạnh áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức phổ biến hướng dẫn áp dụng TCVN trong các ngành trọng điểm như: Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; Chế biến nông sản, thực phẩm; Du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; Hạ tầng kỹ thuật, đô thị thông minh; Logistics và thương mại điện tử; công nghiệp điện tử, công nghiệp thông tin – công nghệ cao, thương mại điện tử, công nghiệp số và chuyển đổi số, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh.

- Khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn môi trường, kiểm kê khí nhà kính, sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về môi trường - xã hội - quản trị doanh nghiệp (ESG) và rào cản kỹ thuật của thị trường.

- Phối hợp thí điểm ứng dụng tiêu chuẩn số/tiêu chuẩn thông minh (SMART Standards) trong lĩnh vực ưu tiên phục vụ tra cứu, tuân thủ và quản trị số.

- Thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn về hạ tầng số, dữ liệu, khả năng liên thông và chia sẻ dữ liệu phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số.

4. Phát triển đội ngũ chuyên gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp thành phố và cấp xã/phường, bảo đảm đủ năng lực triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm hàng hóa trong sản xuất, lưu thông và nhập khẩu; kết nối với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện.

- Đa dạng hóa các chương trình đào tạo, phổ biến kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa cho doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng tiêu chuẩn như: tổ chức hội nghị tập huấn; đào tạo trực tuyến, đào tạo, tư vấn tại chỗ.

5. Thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin, đào tạo, tập huấn, tư vấn cho các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp tại địa phương về các biện pháp TBT của nước ngoài và các thông tin TBT khác nhằm nâng cao nhận thức về các cơ hội, thách thức của TBT ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động tiếp cận thị trường xuất khẩu.

- Cập nhật kịp thời thông tin cảnh báo vào cơ sở dữ liệu về rào cản kỹ thuật thương mại để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nhận diện, chuẩn bị và vượt qua các rào cản kỹ thuật thông qua tư vấn, đào tạo và thông tin kịp thời. Phối hợp chặt chẽ với Điểm hỏi đáp TBT quốc gia, Điểm TBT các Bộ để bảo đảm việc xử lý các thông tin về TBT.

6. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn

- Xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ (tư vấn, đào tạo tại chỗ, kết nối dịch vụ thử nghiệm/chứng nhận), ưu tiên các ngành xuất khẩu và sản phẩm điện tử công nghệ cao, cơ khí chế tạo, logistics cảng biển, sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm OCOP.

- Phát triển mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương; phối hợp Hiệp hội, cơ sở đào tạo để hỗ trợ doanh nghiệp lồng ghép yêu cầu tiêu chuẩn vào chiến lược kinh doanh và phát triển sản phẩm của đơn vị.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước; nguồn vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Kế hoạch; chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch;

- Tổng hợp đề xuất kinh phí thực hiện Kế hoạch của các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Sở Tài chính.

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch hàng năm thuộc chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý.

- Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

3. Các Sở, ban, ngành: Công Thương; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động lồng ghép yêu cầu tiêu chuẩn hóa vào các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển ngành hàng năm; đề xuất kinh phí tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch và báo cáo kết quả hàng năm về Sở Khoa học và Công nghệ.
- Chủ động rà soát, tổng hợp và cung cấp thông tin về nhu cầu tiêu chuẩn hóa, sản phẩm cần hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, hỗ trợ phù hợp theo nội dung Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan triển khai các nội dung Kế hoạch. Hàng năm, đề xuất kinh phí triển khai thực hiện; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ theo hướng dẫn.
- Rà soát, lựa chọn và giới thiệu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiêu chuẩn hóa, sản phẩm cần hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn.
- Lồng ghép nội dung tiêu chuẩn hóa với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương: xây dựng nông thôn mới, OCOP,...; tuyên truyền, vận động cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tích cực áp dụng tiêu chuẩn.

5. Ban Quản lý các Khu kinh tế thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố

- Tuyên truyền, triển khai thực hiện kế hoạch; tham gia xây dựng, góp ý, phản biện và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng TCVN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, xây dựng và áp dụng TCVN, tiêu chuẩn quốc tế; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong việc triển khai các chương trình liên quan đến xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của

doanh nghiệp và thực hiện hiệu quả các nội dung của kế hoạch này.

- Đề xuất nhu cầu và tham gia xây dựng tiêu chuẩn gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Ủy ban TCĐLCL QG;
- CT, PCT UBND TP ;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Liên minh HTX thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.H.Điện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường